

Số: 143/BC-TLTD

Tam Đảo, ngày 13 tháng 6 năm 2017

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
NĂM BÁO CÁO : 2017**

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 3
NĂM GẦN NHẤT (2014-2016).**

Giai đoạn 2014 – 2016 là giai đoạn đầu tiên thực hiện phương thức Đặt hàng quản lý khai tác công trình thủy lợi. Tuy gặp không ít khó khăn nhưng dưới sự điều hành của Ban lãnh đạo cùng sự đoàn kết của tập thể CBCNV Công ty, Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế xã hội được giao cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

1.1. Sản phẩm sản xuất chủ yếu:

Trong 3 năm 2014-2016 Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 18 xã, thị trấn thuộc 3 huyện Tam Đảo, Tam Dương, Bình Xuyên với tổng diện tích là: 50.904,18 ha đạt 95% so với kế hoạch.

1.2. Doanh thu

Tổng doanh thu: 87,34 tỷ đồng

Trong đó:

+ Doanh thu thủy lợi phí: 72,37 tỷ đồng

+ Doanh thu khai thác tổng hợp: 2,08 tỷ đồng

+ Doanh thu khác: 0,48 tỷ đồng

1.3. Lợi nhuận trước thuế: 550 triệu đồng

1.4. Nộp ngân sách:

Nộp ngân sách Nhà nước hàng năm luôn ổn định với tổng kinh phí nộp giai đoạn này là: 940 triệu đồng.

(Chi tiết xem Biểu số 01 kèm theo)



2. Kết quả thực hiện các dự án từ 2014-2016

Năm	Tổng công trình	Vốn cấp (triệu đồng)	Vốn giải ngân (triệu đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)
2014	34	70.330,90	50.381,78	71,64%
2015	23	71.005,00	57.209,77	80,57%
2016	20	32.720,20	18.478,04	56,47%
Tổng số	77	174.056,10	126.069,59	72,43%

Giai đoạn 2014-2016, tổng vốn đầu tư được cấp là 174,06 tỷ đồng. Trung bình mỗi năm vốn đầu tư thực hiện là khoảng 58,02 tỷ đồng. Số lượng công trình đầu tư trong giai đoạn này là 77 công trình. Bình quân vốn đầu tư thực hiện cho 1 công trình trong giai đoạn này là khoảng 2,26 tỷ đồng/công trình.

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CHỦ YẾU ẢNH HƯỞNG TỚI KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thuận lợi

Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở ban ngành trong tỉnh, UBND các huyện, sự phối hợp chặt chẽ với các xã trong địa bàn Công ty quản lý.

Công ty đã chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý công trình, điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh xã hội trong địa bàn.

Tập thể CBCNV trong Công ty luôn đoàn kết, gắn bó, không ngại khó khăn gian khổ, bám kênh mương, đồng ruộng ngày đêm phục vụ sản xuất.

Hệ thống công trình thủy lợi đã được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ bản đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân. Công ty luôn quan tâm đầu tư kinh phí tu bổ sửa chữa, nạo vét công trình thủy lợi, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm chuẩn bị tốt cho công tác phục vụ sản xuất.

2. Khó khăn, vướng mắc

Tình hình khí hậu năm 2014-2016 có diễn biến phức tạp, khó lường rét đậm ở đầu vụ, nắng hạn ở cuối vụ, mực nước các hồ trước khi bước vào vụ chiêm ở mức thấp, dung tích các hồ nhỏ hạn chế, nguồn nước ở các sông, suối tự nhiên luôn ở mức thấp, có lúc cạn kiệt không đảm bảo nước để phục vụ sản xuất. Một số công trình thủy lợi nội đồng như các hồ, trạm bơm điện xuống cấp, kênh nội đồng tỷ lệ kiên cố hóa thấp. Một số tuyến kênh xây bị vỡ nhiều do xây dựng đã lâu.

Địa hình giữa các khu tưới chênh lệch cao, chủ yếu là đất cát pha, đồng ruộng ô thửa nhỏ, dẫn đến dễ bị thất thoát nước, việc đưa nước vào từng thửa ruộng tốn nhiều thời gian, lãng phí nước, một số diện tích cấp nước ngày hôm trước đến ngày hôm sau đã cạn kiệt mà chưa có phương án khắc phục. Nhân dân trong vùng tỷ lệ người dân tộc cao, sản xuất tự phát, manh mún, không theo thời vụ; khi mở nước phục vụ sản xuất người dân trông chờ ỷ lại, không lấy nước vào ruộng nhưng khi cắt nước lại kêu ca, phàn nàn. Trong địa bàn Công ty phục vụ hiện nay còn nhiều diện tích đất canh tác khó khăn về nguồn nước, chủ yếu dựa vào nước các khe suối, ao hồ địa phương nên không đảm bảo đủ nước cho số diện tích này.

Nhân dân thường xuyên vứt rác, xác gia súc, gia cầm chết xuống lòng kênh gây tắc dòng chảy và ô nhiễm môi trường, rất khó khăn cho công tác quản lý điều hành, đặc biệt là các tuyến kênh qua khu dân cư.

Hiện tại còn một số ao hồ nhỏ tại địa phương đã bàn giao về Công ty quản lý nhưng UBND xã, HTX cũ hợp đồng cho thuê thả cá. Do vậy khi cần thì không điều tiết được nước, gây khó khăn cho công tác phục vụ sản xuất

III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG TƯƠNG LAI

- Quản lý hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo tuyệt đối an toàn, cấp nước tưới ổn định cho 15.905,72 ha diện tích sản xuất nông nghiệp; cấp nước đảm bảo cho các ngành kinh tế khác và đời sống dân sinh, kinh tế xã hội trong khu vực.

- Tham gia liên doanh, liên kết, xây dựng và khai thác các nguồn lợi của công trình thủy lợi nhằm nâng cao hiệu quả, phát triển sản xuất kinh doanh tăng doanh thu, hàng năm hạch toán có lãi, đảm bảo đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh phụ để tăng doanh thu cho Công ty.

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất của Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT;
- Lưu VT, KHKT.

CHỦ TỊCH


Nguyễn Thanh Hòa

Biên số 01:

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI TAM ĐẢO**
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-TLTD ngày / /2017 của Công ty TNHH
Một thành viên Thủy Lợi Tam Đảo)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm 2017
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	ha	17.745,18	17.103,35	16.055,65	15.905,72
a)	Diện tích tưới, tiêu	ha	17.745,18	17.103,35	16.055,65	15.905,72
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	28,63	29,03	29,68	28,24
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,23	0,24	0,08	0,09
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,25	0,35	0,34	0,41
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD			0	
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	ha	17.745,18	17.103,35	16.055,65	15.905,72
a)	Diện tích tưới, tiêu	ha	17.745,18	17.103,35	16.055,65	15.905,72
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	70,33	71,01	37,72	37,20
a)	- Nguồn ngân sách	“	70,33	71,01	37,72	37,20
b)	- Vốn vay	“				
c)	- Vốn khác	“				
8	Tổng lao động	Người	172	178	176	166
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	11,34	11,90	11,60	11,90
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,23	1,28	1,29	1,32
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	10,11	10,62	10,31	10,58